



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 08 (17/02/20 – 21/02/20)



ĐIỂM TIN

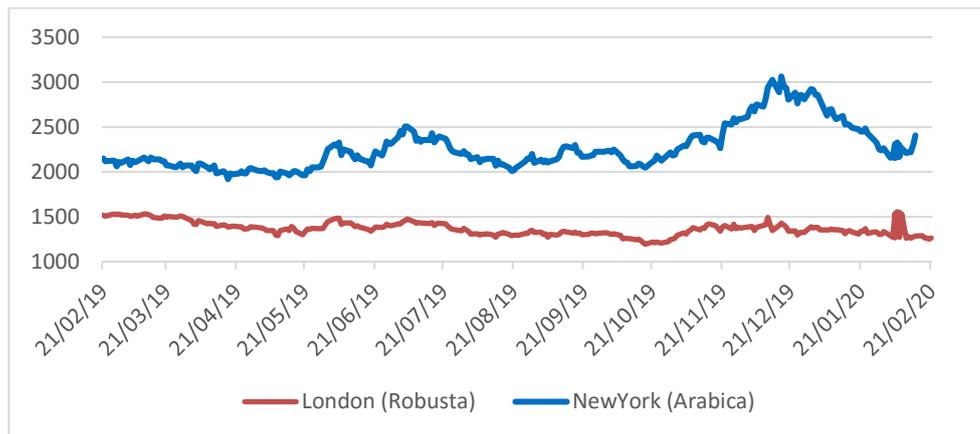
Giá cà phê Robusta tuần này giảm 0,46% xuống mức 1.290 USD/tấn.

Giá cà phê Arabica tuần này tăng 3,86% lên mức 2.358,5 USD/tấn.

Colombia thành lập quỹ bình ổn giá cà phê đầu tiên trong lịch sử.

Giá tất cả các loại cà phê toàn cầu đều giảm trong tháng 1.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE. www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân kỳ hạn tháng 3 trên sàn London tuần này đạt 1.266,6 USD/tấn, giảm 0,46% so với tuần trước và thấp hơn 16,59% so với cùng kỳ năm 2019. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.290 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.251 USD/tấn. [1]

Giá cà phê Arabica bình quân kỳ hạn tháng 3 trên sàn New York tuần này đạt 2.358,5 USD/tấn, tăng 3,86% so với mức giá tuần trước và cao hơn 9,89% so với cùng thời điểm năm 2019. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.405,2 USD/tấn, giá thấp



nhất trong tuần đạt 2.283,9 USD/tấn. [1]

Tính chung cả tuần 8, thị trường London và New York có 3 phiên giảm và 2 phiên tăng, trong đó đều bật tăng vào phiên cuối tuần. Đồng Reais giảm nhẹ 0,04% xuống ở mức 1 USD = 4,3940 Reais, tiếp tục đứng ở mức thấp kỷ lục phiên thứ tư liên tiếp, Brasil đẩy mạnh bán cà phê vụ mới sắp thu hoạch và chuẩn bị bước vào mùa lễ hội carnival vào giữa tuần sau trong khi lo ngại rủi ro và dịch bệnh Covid-19 gia tăng khiến sức mua trên thị trường hàng hóa toàn cầu chậm lại. Báo cáo chỉ số quản lý sức mua (PMI) của Mỹ sụt giảm dưới mức dự kiến đã khiến USDX đảo chiều giảm mạnh đã hỗ trợ giá cả và sức mua hàng hóa vào cuối tuần, đặc biệt giá cà phê kỳ hạn tại New York. Tuy nhiên thị trường toàn cầu vẫn còn nguyên mối lo dịch bệnh chưa thấy điểm dừng tiếp tục cản trở các hoạt động thương mại nói chung.

Theo Bộ Tài chính Colombia, quốc gia sản xuất cà phê chất lượng cao arabica hàng đầu thế giới vừa thành lập quỹ bình ổn giá cà phê đầu tiên trong lịch sử với nguồn ngân sách 63,9 triệu USD nhằm bảo vệ thu nhập của người trồng cà phê trước biến động của thị trường. Thông qua cơ chế này, người trồng cà phê có thể đảm bảo được một mức giá ổn định trong vòng 6-8 tháng, hoặc thậm chí 1 năm khi tới mùa thu hoạch. Điều này cũng giúp cho nông dân yên tâm và đảm bảo rằng sản phẩm của mình đã được định trước về giá và chuyên tâm hơn để sản xuất mà không lo biến động giá cả. Là đất nước đã có truyền thống trồng cà phê kéo dài hơn trăm năm trên các vùng đồi núi khó canh tác, Colombia là quốc gia sản xuất cà phê lớn thứ 3 thế giới, với 880.000ha canh tác cà phê và khoảng 560.000 hộ gia đình tham gia vào hoạt động sản xuất loại hạt này. Năm 2019, sản lượng cà phê của Colombia đạt mức kỷ lục với 14,8 triệu bao (60kg), cao nhất trong vòng 27 năm qua, nhờ vào việc tăng năng suất và điều kiện thời tiết tốt.

Theo Tổ chức Cà phê Thế giới (ICO), giá tất cả loại cà phê đã giảm trở lại 8,9% trong tháng 1 xuống 106,89 US cent/pound sau hai tháng tăng liên tiếp. Xuất khẩu trong ba tháng đầu năm cà phê 2019 - 2020 cũng giảm gần 6%. Trong đó, nhóm



cà phê arabica Brazil có mức giảm giá lớn nhất, 12,4% xuống 110,73 US cent/pound. Nguyên nhân là vụ cà phê của Brazil bước vào năm bội thu trong chu kỳ hai năm của cây cà phê arabica và bất ổn kinh tế vĩ mô gây áp lực lên thị trường. Theo sau là nhóm cà phê arabica từ các quốc gia khác và nhóm cà phê arabica Colombia, với giá giảm lần lượt 9,5% và 8,7% xuống 142,19 US cent/pound và 147,52 US cent/pound. Giá cà phê robusta cũng giảm 3,7% so với tháng cuối năm 2019 xuống 70,55 US cent/pound, một phần vì phản ứng đối với xuất khẩu cà phê từ Việt Nam và Indonesia gia tăng.

ICO ước tính tổng sản lượng cà phê trong năm 2019 - 2020 đạt 168,71 triệu bao, giảm 0,9% so với năm ngoái. Sản lượng tại châu Phi và Nam Mỹ được dự báo giảm lần lượt 2,3% và 4,7% xuống 18,19 triệu bao và 78,33 triệu bao.

Với tổng lượng tiêu thụ cà phê toàn cầu ước đạt 169,34 triệu bao trong 2019 - 2020, thế giới dự kiến sẽ thâm hụt 0,63 triệu bao cà phê. Điều này có thể hỗ trợ đà tăng của giá cà phê trong năm nay, nhưng giá có thể chịu áp lực giảm từ mùa vụ sắp tới của Brazil.



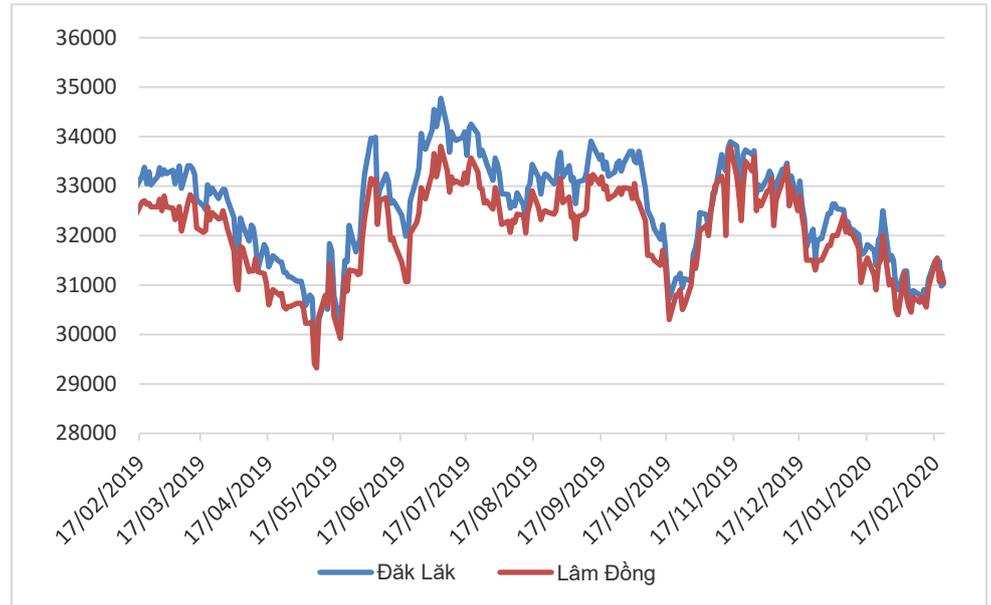
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tại các tỉnh Tây Nguyên trong tuần qua tăng 1,2% – 9,7%.

Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn tăng 0,41 % lên 1.378 USD/tấn.

Các địa phương Tây Nguyên không mặn mà với tái canh cây cà phê.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê trong nước tuần này biến động tăng nhẹ. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 31.289 đồng/kg, tăng 1,44% so với mức giá tuần trước và thấp hơn 6% so với cùng kỳ năm 2018. Tại Lâm Đồng, giá cà phê tăng 1,83% so với tuần trước, lên mức 31.273 đồng/kg và thấp hơn 6,13% so với cùng kỳ năm ngoái. [5]

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 1.378 USD/tấn, tăng 0,41% so với tuần trước và giảm 5,2% so với cùng kỳ năm 2019. [5]

Do biến đổi của thời tiết và giá cả cà phê xuống thấp đã khiến cho việc canh tác cây cà phê của người dân gặp nhiều khó khăn, lợi nhuận thu về trên một hecta cây cà phê thường rất thấp, nhiều bà con trồng cà phê tại Đắk Lắk, nói riêng và Tây Nguyên nói chung không mặn mà với tái canh cây cà phê dù nhiều diện tích đã trở nên già cỗi, năng suất kém. Ngoài ra, nhiều hộ không muốn tái canh do chi phí đầu tư cải tạo cao, trong khi phải mất 3 năm sau mới được thu hoạch, giá vật tư nông nghiệp tăng khiến việc chăm sóc cây cà phê gặp nhiều



khó khăn, việc tiếp cận các nguồn vốn tái canh không dễ dàng. Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện có hơn 41 nghìn ha cà phê già cỗi cần được tái canh, đến nay tái canh và ghép cải tạo được hơn 31 nghìn ha, chưa đạt kế hoạch đề ra. Các địa phương cần có các biện pháp lộ trình cụ thể, nếu không rất khó có thể hoàn thành chương trình tái canh cây cà phê [6].

Theo Cục Thống kê Đồng Nai, xuất khẩu cà phê gần 2 tháng đầu năm 2020 của tỉnh ước đạt gần 52,7 ngàn tấn với tổng kim ngạch hơn 92,5 triệu USD, tăng gấp 2 lần về sản lượng, về giá tăng gần 28% so với cùng kỳ năm trước. Cà phê Đồng Nai xuất khẩu sang hơn 30 quốc gia, vùng lãnh thổ, song thị trường chính là Hoa Kỳ, Anh, Đức. Hiện nay, Đồng Nai là nơi có nhiều doanh nghiệp mua cà phê từ Tây nguyên về và xuất khẩu. Giá mua cà phê từ nông dân dao động từ 31-32 ngàn đồng/kg. Hơn 3 năm trở lại đây, giá cà phê trong nước cũng như thị trường thế giới luôn ở mức thấp, do nguồn cung lớn hơn cầu. Một số doanh nghiệp tại Đồng Nai đã đầu tư nhà máy chế biến sâu cà phê để xuất khẩu nhằm nâng giá trị gia tăng cho sản phẩm. Chế biến sâu nông sản là lĩnh vực tỉnh đang mời gọi các doanh nghiệp đầu tư, nhưng hiện mới chỉ có một số nhà máy chế biến sâu hạt điều và cà phê [7].

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <http://www.scasa.co.za>
- [3]. <https://www.comunicaffe.com>
- [4]. <https://www.CNBC.com>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. <https://vtv.vn/>
- [7]. <http://www.baodongnai.com.vn/>
- [8]. <https://www.customs.vn>
- [9]. Vietnambiz.vn



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên trong tuần

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	So với tuần trước
Đắk Lắk						
Giá đại lý						
Krông Pắc (xô vối)	31.400	31.400	31.400	30.900	31.000	380
Buôn M.Thuột (xô vối)	31.350	31.350	31.350	30.850	30.950	420
Krông Năng (xô vối)	31.333	31.333	31.333	30.833	30.900	433
Giá công ty						
Krông Pắc (xô vối)	31.220	31.600	31.600	31.600	31.100	556
Buôn M.Thuột (xô vối)	31.170	31.600	31.600	31.600	31.100	584
Krông Năng (xô vối)	31.147	31.600	31.600	31.600	31.100	607
Lâm Đồng						
Giá đại lý						
Đà Lạt (xô chè)	67.000	69.000	68.000	68.000	65.000	5.400
Di Linh (xô vối)	31.200	31.300	30.933	31.000	30.800	587
Giá công ty						
Đà Lạt (xô chè)	67.400	68.000	70.000	69.000	69.000	6.113
Di Linh (xô vối)	31.047	31.700	31.800	31.200	31.500	613
Đắk Nông						
Giá đại lý						
Đắk Mil (xô vối)	31.500	31.400	31.100	31.150	30.500	511
Cư Jút (xô vối)	31.500	31.433	31.117	31.100	31.183	673
Giá công ty						
Đắk Mil (xô vối)	31.250	31.800	31.700	31.400	31.450	630
Cư Jút (xô vối)	31.267	31.800	31.750	31.417	31.400	660



Gia Lai						
Giá đại lý						
Chư Pưh (xô vối)	31.417	31.567	31.217	31.200	31.200	727
Pleiku (xô vối)	31.408	31.533	31.208	31.200	31.200	678
Giá công ty						
Chư Pưh (xô vối)	31.350	31.717	31.867	31.517	31.517	762
Pleiku (xô vối)	31.322	31.708	31.833	31.508	31.508	694
Kon Tum						
Giá đại lý						
Đắk Hà (xô vối)	31.608	31.663	31.580	31.564	30.867	575
Giá công ty						
Đắk Hà (xô vối)	31.687	32.008	32.127	31.659	31.857	641

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

